

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HS-ST

Ngày: 21- 02- 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nghi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Công Kiều

Bà Đoàn Thị Dung

-Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hoá.

-Đại diện VKSND huyện H, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Nguyễn Văn Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 21/02/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2022/HSST ngày 21 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đặng Văn Q**, sinh năm 1997; tại xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hoá. Nơi ĐKNKTT: Thôn Y, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đặng Văn M - sinh năm 1952, con bà: Đặng Thị H - sinh năm 1957; chưa có vợ và con; tiền sự: Không.

Tiền án: 03 tiền án.

- Năm 2015 bị Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 07 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Năm 2016 bị Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Năm 2018 bị Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, đến ngày 22/9/2020 chấp hành xong án phạt tù, chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/8/2021 đến ngày 26/8/2021 được hủy bỏ biện pháp tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/11/2021 đến nay, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H. (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lương Thanh Vân, trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

**** Người bị hại:***

1. Anh Đặng Văn Q, sinh năm 1977 và chị Bùi Thị L, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn Y, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. (vắng)

2. Chị Lê Thị N, sinh năm 1994. (vắng)

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

3. Anh Lê Văn T, sinh năm 1988. (vắng)

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

4. Anh Lê Văn D, sinh năm 1988 và chị Lê Thị V, sinh năm 1991. (vắng)

Địa chỉ: Thôn Th, xã Th, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa.

5. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993. (vắng)

Địa chỉ: Lô A10, MB 889, Phường Q, TP T, tỉnh Thanh Hóa.

6. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1998. (vắng)

Địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Anh Chung Văn L, sinh năm 1979. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 8, Đ, xã M, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

**** Người làm chứng***

1. Chị Nguyễn Thu H, sinh ngày 14/5/2005. (vắng)

Trú tại: Thôn Th, xã Th, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện: Bà Bùi Thị L – sinh năm 1977 (vắng)

Trú tại: Thôn Y, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa,

2. Anh Mai Văn B, sinh năm 1992. (vắng)

Địa chỉ: Thôn Ng, xã Ng, huyện Ng, tỉnh Thanh Hóa.

3. Anh Hoàng Anh D, sinh năm 1991. (vắng)

Địa chỉ: Tiểu Khu 4, Thị Trấn Th, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa.

4. Anh Trịnh Đình G, sinh năm 1995. (vắng)

Địa chỉ: Thôn O, xã Th, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa.

5. Anh Hoàng Khắc Q, sinh năm 1989. (vắng)

Địa chỉ: Tiểu khu 3, Thị Trấn Th, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa.

6. Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1990. (vắng)

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

7. Bà Trịnh Thị B, sinh năm 1965. (vắng)

Địa chỉ: Tiểu khu 2, Thị Trấn Q, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

8. Bà Hà Thị M, sinh năm 1965. (vắng)

Địa chỉ: Tiểu khu 5, Thị Trấn Q, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

9. Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 2002. (vắng)

Địa chỉ: Thôn Ph, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

10. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993. (vắng)

Địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

11. Anh Lê Xuân Th, sinh năm 1981. (vắng)

Địa chỉ: Khu 7, Thị Trấn Th, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa.

12. Anh Thiệu Q H, sinh năm 1992. (vắng)

Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 24/7/2021, Đặng Văn Q đi taxi từ ga Nghĩa Trang thuộc huyện H về nhà mình ở thôn Y, xã Đ để xin tiền bố mẹ, trên đường về Q nảy sinh ý định đến nhà anh trai là Đặng Văn V, sinh năm 1977 ở cùng thôn để trộm cắp tài sản.

Thực hiện ý định trên, khi xe đi đến cách nhà anh V khoảng 01 km, Q xuống xe đi bộ đến nhà anh V, quan sát thấy cửa cổng khóa, cửa chính trong nhà mở, đèn ngủ phía trong sáng, Q nghĩ gia đình anh V đã ngủ, nên Q trèo qua tường rào phía trước vào trong nhà thì thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave RSX, màu đỏ, đen, BKS: 36F1-239.90 của anh V đang dựng ở hiên nhà sát cửa sổ phòng ngủ, Q kiểm tra thì thấy xe không khóa cổ nên dắt xe ra khu vườn phía sau nhà anh V để. Sau đó, quay vào trong nhà tìm chìa khóa xe và tài sản để trộm cắp, Q đi vào phòng ngủ của anh V, chị L thì thấy hai chiếc túi xách đang treo ngay vị trí lối ra vào, chìa khóa xe đang để trên cửa sổ nên Q lấy chìa khóa xe bỏ vào túi quần bên phải của mình, rồi lấy hai chiếc túi xách đem ra bãi đất trống giữa khu nhà ở và khu điện thờ tìm tài sản, nhưng không thấy gì nên vứt hai

chiếc túi này tại đây. Sau đó, Q đi đến khu điện thờ nhà anh V cách nhà ở khoảng 06 mét để tiếp tục tìm tài sản, thấy chiếc túi xách màu đen của chị Bùi Thị L, sinh năm 1977 (là vợ của anh V) đang để trên chiếc bàn gỗ đặt gần cửa sổ phía bên phải lối ra vào, Q đi đến lấy chiếc túi xách rồi để xuống nền nhà lục tìm lấy 01 đăng ký xe mô tô mang tên Đặng Văn V và số tiền 400.000 đồng (*Bốn trăm ngàn đồng*). Sau đó, Q bỏ chiếc túi xách tại đây, rồi đi ra vị trí dựng xe phía sau nhà anh V, nổ máy chạy xe về nhà nghỉ ở khu vực ga Nghĩa Trang, huyện H cất xe và đi ngủ. Đến khoảng 07h sáng cùng ngày, Q gọi và hẹn gặp chị Nguyễn Thu H, sinh năm 2005 ở thôn Th, xã Th, huyện Th đang ở Thành phố T xuống ga Nghĩa Trang để đi với Q. Đến khoảng 08h cùng ngày chị H xuống điểm hẹn, Q điều khiển chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được ra đón chị H, rồi chở chị H đến cửa hàng mua bán xe máy cũ Bình Trang ở thôn Ngọ, xã Đ, huyện H bán chiếc xe trên được 9.000.000đ (*Chín triệu đồng*). Sau đó, Q và chị H bắt xe đi thành phố T thuê nhà nghỉ. Đến ngày 07/8/2021, Đặng Văn Q đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện H đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận số 34/KL-HĐĐGHS ngày 10/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Tại thời điểm bị chiếm đoạt tài sản là 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave RSX, màu đỏ, đen, BKS: 36F1-239.90, mua tháng 6/2016, có giá: 14.400.000đồng (*mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Ngày 13/8/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện H đã ban hành quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và tạm giam đối với Đặng Văn Q về tội Trộm cắp tài sản. Quá trình tạm giam, do Đặng Văn Q bị bệnh phải cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện Đa khoa huyện H, nên được huỷ bỏ biện pháp tạm giam và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú vào ngày 26/8/2021.

Trong thời gian cấm đi khỏi nơi cư trú, Đặng Văn Q lại tiếp tục thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản ở các địa phương khác cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: (chưa thu hồi được TS) Khoảng 20h30 ngày 12/9/2021, Đặng Văn Q đã lén lút vào phòng ngủ nhà Anh Lê Văn D, sinh năm 1988 và chị Lê Thị V, sinh năm 1991, ở Thôn Th, xã Th, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa trộm cắp tài sản gồm: 02 chiếc nhẫn cưới bằng vàng tây 10k và số tiền 11.700.000đ (*Mười một triệu bảy trăm nghìn đồng*). Đến ngày 14/9/2021 Q đã đem hai chiếc nhẫn cưới trộm cắp được đến cửa hàng vàng bạc nhà chị Hà Thị M, sinh năm 1965 ở tiểu khu 5, Thị Trấn Q, huyện Y bán được 1.290.000đ (*một triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng*).

Tại bản kết luận số 30/HĐ-ĐGTS ngày 18/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 02 chiếc nhẫn cưới bằng vàng tây 10k có trọng lượng 0.758 gam tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá là: 1.478.100 đ (*một triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn một trăm đồng*).

Quá trình điều tra vụ án, do không thu hồi được vật chứng nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Th đã ra thông báo truy tìm vật chứng nhưng không có kết quả. Vì vậy, Anh Lê Văn D yêu cầu Đặng Văn Q phải bồi thường số tiền là 11.700.000đ (*mười một triệu bảy trăm nghìn đồng*) và trị giá số tài sản không thu hồi được theo định giá với số tiền là: 1.478.100 đồng (*một triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn một trăm đồng*)

Lần thứ hai: (chưa thu hồi được TS), khoảng 17h30 ngày 24/9/2021, Đặng Văn Q đến quán của Chị Lê Thị N, sinh năm 1994 ở Thôn D, xã Đ, huyện Y để nhuộm tóc. Trong lúc chờ đợi để thuốc ngấm vào tóc, Q nhìn thấy chiếc điện thoại Iphone XS Max màu đen để trên bàn máy tính của chị N, thấy chị N không để ý, nên Q lấy chiếc điện thoại bỏ vào túi quần rồi bỏ đi. Sau đó, Q đem chiếc điện thoại vừa trộm cắp được bán cho anh Hoàng Anh D, sinh năm 1991 là chủ cửa hàng điện thoại M ở Tiểu Khu 4, Thị Trấn Th, huyện Th với giá 1.650.000đ (*một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*). Đến ngày 25/9/2021, Q đến cửa hàng điện thoại nhà anh D để chuộc lại chiếc điện thoại này với giá 1.800.000đ (*Một triệu tám trăm nghìn đồng*) sau đó đem xuống xã Hoàng Lương, huyện H để nhờ người bán nhưng không nhờ được ai bán hộ, Q khai đã vứt chiếc điện thoại này gần khu vực Bưu điện cũ xã H, huyện H.

Lần thứ ba: (chưa thu hồi được TS) Ngày 25/9/2021, Đặng Văn Q đến cửa hàng điện thoại của anh Lê Văn T, sinh năm 1988 ở Thôn T, xã Đ, huyện Y hỏi mua điện thoại. Anh T đưa cho Q 01 chiếc điện thoại Iphone 11 Pro Max màu vàng, trong lúc đang xem điện thoại, Q thấy anh T đi vào bên trong nhà, nên Q đã lấy chiếc điện thoại bỏ vào túi quần rồi bỏ đi, anh T phát hiện bị mất điện thoại nên đuổi theo Q nhưng không bắt được. Sau đó, Q đem chiếc điện thoại vừa trộm cắp được đến cửa hàng mua bán điện thoại của anh Hoàng Khắc Q, sinh năm 1989 ở Tiểu khu 3, Thị Trấn Th, huyện Th bán được 10.500.000đ (*Mười triệu năm trăm nghìn đồng*).

Ngày 28/9/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Y đã ban hành Yêu cầu định giá tài sản mà Đặng Văn Q đã trộm cắp gồm: 01 chiếc điện thoại Iphone XS Max màu đen của chị Lê Thị N và 01 chiếc điện thoại Iphone 11 Pro Max màu vàng của anh Lê Văn T.

Tại bản kết luận số 48, 49/KL-HĐĐTGS ngày 30/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Tại thời điểm bị chiếm đoạt tài sản có giá trị như sau:

- 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Apple, loại Iphone 11 Pro Max, màu vàng, đã qua sử dụng có giá 19.500.000đ (*Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng*).

- 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Apple, loại Iphone XS Max màu đen, đã qua sử dụng có giá 9.800.000đ (*chín triệu tám trăm nghìn đồng*).

Quá trình điều tra vụ án, do không thu hồi được vật chứng nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Y đã ra thông báo truy tìm vật chứng 02 chiếc điện thoại có đặc điểm như trên nhưng không có kết quả. Vì vậy, chị Lê Thị N yêu cầu Đặng Văn Q phải bồi thường trị giá số tài sản không thu hồi được theo định giá với số tiền là: 9.800.000đ (*chín triệu tám trăm nghìn đồng*); Anh Lê Văn T yêu cầu Đặng Văn Q phải bồi thường trị giá số tài sản không thu hồi được theo định giá với số tiền là: 19.500.000đ (*Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng*)

Ngoài các vụ trộm cắp tài sản nêu trên, Cơ quan điều tra còn chứng minh, Đặng Văn Q còn thực hiện hai vụ “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” vào các ngày 10/7/2021 tại Thành phố T và ngày 27/10/2021 tại huyện H cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: (đã thu hồi được xe, điện thoại không thu hồi được nhưng không yêu cầu) Đặng Văn Q và anh Nguyễn Văn T có quen biết và chơi với nhau. Khoảng 15h ngày 10/7/2021, Đặng Văn Q hỏi anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993 ở Lô A10, MB889, Phường Q, thành phố Th mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE, ALPHA, màu đen xám, BKS: 36P3-7734 để đi tiêm cho con, anh T đồng ý và đưa chìa khoá và giấy tờ xe cho Q. Q đi được 200 mét rồi quay lại hỏi mượn anh T 01 chiếc điện thoại di động VSMAT ACTIVE L, màu đen để định vị chỉ đường, anh T đồng ý cho Q mượn điện thoại. Sau khi mượn được tài sản, Q chạy chiếc xe Mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE, ALPHA, màu đen xám, BKS: 36P3-7734 về H, đến cửa hàng mua bán xe máy cũ Th của anh Chung Văn L, sinh năm 1979 ở thôn Đ, xã M, huyện H bán được 5.800.000đ (*Năm triệu tám trăm nghìn đồng*), còn chiếc điện thoại di động Q đem đến cửa hàng điện thoại (Q không nhớ tên cửa hàng và địa chỉ) ở phường L - Thành phố Th bán được 1.200.000đ (*Một triệu hai trăm nghìn đồng*).

Ngày 03/8/2021, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Th đã ban hành Yêu cầu định giá tài sản mà Đặng Văn Q đã lừa đảo chiếm đoạt gồm: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE, ALPHA, màu đen xám, BKS 36P3-7734; 01 chiếc điện thoại di động VSMATACTIVEL, màu đen.

Tại bản kết luận số 119/KL-HĐĐGTS ngày 16/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Tại thời điểm bị chiếm đoạt tài sản có giá trị như sau:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE ALPHA, BKS 36P3-7734, màu đen xám đã qua sử dụng có giá 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*);

- 01 điện thoại di động VSMATACTIVEL, màu đen đã qua sử dụng có giá 1.750.000đ (*Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*),

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 8.750.000đ (*Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Th đã thu hồi được xe mô tô BKS: 36P3 -7734, còn chiếc điện thoại di động do chưa thu hồi được nên đã ra thông báo truy tìm vật chứng nhưng không có kết quả. Anh Nguyễn Văn T đã được nhận lại chiếc xe mô tô trên còn điện thoại thì không yêu cầu Đặng Văn Q phải bồi thường.

Vụ thứ hai: (chưa thu hồi được TS). Khoảng 8h ngày 27/10/2021, Đặng Văn Q đến quán cắt tóc nhà anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1998 ở thôn M, xã M, huyện H để nhuộm tóc. Đến khoảng 8h30 phút cùng ngày Q nói với anh T “Anh cho em mượn cái điện thoại và xe máy em chạy xuống bên xe M để lấy đồ cho vợ”, anh T nói lại: “Để điện thoại lại cho anh có khách gọi thì anh còn nghe máy”, Q nói “ Cho em mượn điện thoại để em gọi cho nhà xe vì em không biết lấy đồ ở nhà xe nào”. anh T tin tưởng Q sẽ trả lại tài sản nên đồng ý cho Q mượn chiếc xe mô tô nhãn

hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, BKS: 36F1-172.81 và chiếc điện thoại IPHONE 7 Plus màu trắng. Khoảng 30 phút sau không thấy Q trả lại tài sản nên anh T xuống bên xe M để tìm và gọi điện thoại cho Q nhưng Q không nghe máy. Sau khi chiếm đoạt được số tài sản trên, Q đã đem chiếc điện thoại IPHONE 7 Plus, màu trắng đến cửa hàng mua bán điện thoại Hiếu Trang ở Phố K, xã Y, huyện Y do anh Thiệu Quang H, sinh năm 1992 ở thôn T, xã Y, huyện Y bán được 2.400.000đ (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*), còn chiếc xe mô tô Q đem đến cửa hàng mua bán xe máy cũ của anh Lê Xuân Th, sinh năm 1979 ở Tiểu khu 7, Thị Trấn Th, huyện Th bán được 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*)

Ngày 08/11/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện H đã ban hành yêu cầu định giá tài sản mà Đặng Văn Q đã lừa đảo chiếm đoạt gồm: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, BKS: 36F1-172.81; 01 chiếc điện thoại IPHONE 7 Plus màu trắng.

Tại bản kết luận số 51/KL-HĐĐGTS ngày 10/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Tại thời điểm bị chiếm đoạt tài sản có giá trị như sau:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, màu trắng BKS: 36F1-172.8101, mua năm 2014 có giá 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*);

- 01 máy điện thoại IPHONE 7 Plus màu trắng, mua tháng 8/2020 có giá 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*).

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*).

Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan CSĐT Công an huyện H chưa thu hồi được số vật chứng có đặc điểm nêu trên và đã ra thông báo truy tìm vật chứng nhưng không có kết quả. Vì vậy, anh Nguyễn Văn T yêu cầu Đặng Văn Q phải bồi thường số tiền là 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*)

Theo các kết luận định giá tài sản, thì tổng giá trị số tài sản tại thời điểm mà Đặng Văn Q chiếm đoạt trong các vụ án trên là: 78.028.100đ. Trong đó 04 trộm cắp giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 57.287.100 và 02 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, số tiền là 20.750.000đ.

Về vật chứng của vụ án:

- Ngày 13/9/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện H đã trả lại chiếc xe mô tô BKS 36F1-239.90 và giấy đăng ký xe cho anh Đặng Văn V ở thôn Y, xã Đ, huyện H là chủ sở hữu hợp pháp. Ngoài chiếc xe mô tô, chị L và anh V khai báo bị mất số tiền 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*). Quá trình điều tra Đặng Văn Q khai đã trộm cắp số tiền khoảng 400.000đ trong túi sách của chị L (*Bốn trăm nghìn đồng*) cùng với xe mô tô, Q đã tiêu sài cá nhân hết nên không nhớ cụ thể. Tuy nhiên, chị L và anh V không yêu cầu Q phải bồi thường số tiền bị mất.

Anh Nguyễn Văn T trú tại Lô A10, MB889, Phường Q, TP. T là chủ sở hữu hợp pháp. Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE ALPHA, màu đen xám, BKS: 36P3-7734 và 01 chiếc điện thoại VSMAT ACTIVE L màu đen, anh T đã nhận lại chiếc xe mô tô trên, còn chiếc điện thoại trị giá 1.750.000đ nhưng anh không yêu cầu Đặng Văn Q phải bồi thường.

Đối với anh Mai Văn B, sinh năm 1992 ở Thôn Ng, xã Ng, huyện Ng là chủ cửa hàng mua bán xe máy cũ Bình Trang ở thôn Ng, xã Đ, huyện H khi mua chiếc xe mô tô BKS: 36F1-239.90 của Đặng Văn Q, anh B không biết đó là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có, nên không xử lý đối với anh Mai Văn B. Về số tiền anh B đưa cho Q khi mua xe, gia đình Đặng Văn Q đã bồi thường cho anh B, nên anh B không yêu cầu Q phải đền bù thêm số tiền nào khác.

Tại bản Cáo trạng số: 05/CT – VKS HL ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, truy tố bị cáo Đặng Văn Q, về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 173 và điểm d khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, giữ nguyên quyết định truy tố đối với Đặng Văn Q

Về tội danh đề nghị tuyên bố: Bị cáo Đặng Văn Q, phạm các tội “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Về căn cứ áp dụng hình phạt: Áp dụng điểm b điểm g khoản 2 điều 173, điểm s khoản 1,2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 đối với tội trộm cắp tài sản; điểm d khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị tuyên phạt bị cáo Đặng Văn Q, mức án từ 04 năm 06 tháng, đến 05 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản” và mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành từ 07 năm, đến 08 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/11/2021, được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 07/8/2021 đến ngày 26/8/2021. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung khác đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Đặng Văn V, chị Bùi Thị L bị thiệt hại số tiền 400.000đ và Anh Nguyễn Văn T bị thiệt hại số tiền 1.750.000đ nhưng không yêu cầu bị cáo bồi thường nên miễn xét.

Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Đặng Văn Q phải bồi thường thiệt hại về tài sản, cụ thể: Bồi thường cho Anh Lê Văn D và chị Lê Thị V số tiền là 11.700.000đ và 02 chỉ vàng tây 10k, tại thời điểm xét xử giá vàng 10k tương đương giá trị giá 1.478.100đ. Cộng hai khoản 13.178.100đ (mười ba triệu một trăm bảy tám nghìn một trăm đồng); Chị Lê Thị N số tiền: 9.800.000đ (chín triệu tám trăm nghìn đồng); Anh Lê Văn T số tiền: 19.500.000đ (mười chín triệu năm trăm nghìn đồng) và anh Nguyễn Văn T số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) và anh Chung Văn Long số tiền 5.800.000đ. Tổng cộng phải bồi thường số tiền 60.287.100đ (sáu mươi triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn một trăm đồng).

Về xử lý vật chứng: Không xem xét xử lý.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo. Căn cứ điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQUBTV-QH miễn toàn bộ án phí hình sự và án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người bị hại là anh V, chị L và các bị hại khác trong vụ án đều vắng mặt, nhưng trong giai đoạn điều tra, anh V, chị L có đơn đề nghị giảm nhẹ hình sự cho bị cáo.

Người bào chữa bà Lương Thanh Vân đề nghị: Về tội danh thống nhất như quan điểm của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội. Về mức hình phạt. Căn cứ tính chất, mức độ và nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giảm mức hình phạt cho bị cáo, vì trong giai đoạn điều tra bị cáo đã trình diện đầu thú nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 51 để xem xét giảm mức hình phạt.

Bị cáo Đặng Văn Q không có ý kiến đề nghị tranh luận bổ sung về tội danh. Về mức hình phạt bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho hưởng lượng khoan hồng và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về chức năng, nhiệm vụ về thẩm quyền điều tra và trình tự, thủ tục theo quy định Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo, bị hại, người liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng.

[2]. Về căn cứ xác định hành vi phạm tội: Bị cáo khai nhận, từ năm 2015 đến 2018 Đặng Văn Q đã 03 lần bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” và được miễn hạn tù vào ngày 22/9/2020. Tuy nhiên, bị cáo không thường xuyên sinh sống ổn định tại địa phương mà thuê nhà trọ tại thành phố Th, ở huyện Th, ở huyện Y, ở TP. S và huyện T để tránh sự phát hiện của Công an. Trong thời gian bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo không có việc làm, sống lang thang. Mục đích phạm tội chủ yếu là do nghiện Game và nợ tiền nhà trọ, nhà nghỉ không có tiền trả. Nên nảy sinh ý định trộm cắp để lấy tiền duy trì sinh hoạt. Do không có tiền trả tiền thuê nhà nghỉ nên vào đêm ngày 24/7/2021, bị cáo thuê xe tắc xi từ ga Nghĩa Trang thuộc huyện H về nhà tại thôn Y, xã Đ, huyện H để xin tiền, trên đường về bị cáo nảy sinh ý định đến nhà anh Trai là Đặng Văn V để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Khi cách nhà anh V khoảng 30m thì Q xuống xe, sau đó đi bộ đến nhà anh V. Quan sát thấy trong nhà có điện ngủ, thấy cửa cổng khóa nhưng cửa nhà không khóa, nên bị cáo trèo qua tường rào để vào bên trong nhà anh V, chị Bùi Thị L để thực hiện hành vi chiếm đoạt. Tại gia đình anh V, chị L, bị cáo đã chiếm đoạt được 01 xe mô tô Wave RSX, màu đỏ, đen, BKS: 36F1-239.90 và số tiền 400.000 đồng đựng trong túi xách cùng chìa khóa và giấy tờ xe. Q dắt xe mô tô qua lối đi khác và nổ máy điều

khuyến xe mô tô quay về nhà nghỉ trên khu vực Nghĩa Trang. Sáng ngày 25/7/2021 bị cáo điện thoại cho chị H (bạn gái) cùng đi ra xã Đ, huyện H bán xe được 09 triệu đồng. Sau khi bị cáo đã chi tiêu hết số tiền trên thì ra trình diện đầu thú để khai báo tại Công an huyện H về hành vi chiếm đoạt tài sản của gia đình anh V, chị L. Quá trình khởi tố điều tra và bị tạm giam, do bị bệnh nên Q được điều trị tại Bệnh viện và được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Do không có tiền chi tiêu để duy trì sinh hoạt hàng ngày, bị cáo lại tiếp tục thực hiện nhiều hành vi chiếm đoạt tài sản của nhiều người ở nhiều địa phương khác nhau. Thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa không mâu thuẫn với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp đặc điểm vật chứng được thu giữ và tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được, phù hợp kết quả định giá tài sản của Cơ quan định giá trong tố tụng hình sự. Lời khai của bị cáo còn phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập theo trình tự luật định. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định. Vào đêm ngày 24/7/2021, bị cáo Đặng Văn Q đã trực tiếp thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Đặng Văn V và chị Bùi Thị L, tài sản chiếm đoạt gồm 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon da, loại xe Wave RSX, màu đỏ, đen, BKS: 36F1-239.90, trị giá 14.400.000đ và 400.000đồng tiền mặt. Cũng bằng thủ đoạn trên, ngày 12/9/2021 Đặng Văn Q chiếm đoạt tài sản của Anh Lê Văn D và chị Lê Thị V số tiền 11.700.000đồng và 02 chiếc nhẫn bằng vàng tây 10k trọng lượng 0,758g, giá trị tại thời điểm xét xử 1.478.100đ, trị giá tài sản là 13.178.100 đồng; ngày 24/9/2021, Đặng Văn Q chiếm đoạt tài sản của Chị Lê Thị N 01 chiếc điện thoại Iphone XS Max màu đen, trị giá tài sản là 9.800.000 đồng và ngày 25/9/2021 Đặng Văn Q tiếp tục thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Lê Văn T 01 chiếc điện thoại Iphone 11 Pro Max màu vàng, trị giá tài sản là 19.500.000đồng.

Ngoài các lần phạm tội trên, bằng thủ đoạn gian dối từ trước, bị cáo đưa ra các thông tin không có thật, như mượn xe mô tô của anh T để đưa con đi tiêm chủng, mượn xe mô tô của anh T để đi đón người thân, mượn điện thoại của anh T để định vị dẫn đường và mượn điện thoại anh T để liên lạc với người đi đón. Các thông tin bị cáo đưa ra nhằm làm cho người có tài sản tin tưởng trao tài sản cho mình, sau khi có được tài sản bị cáo đã bán lấy tiền để chi phí sinh hoạt, tiêu xài cá nhân. Với thủ đoạn gian dối trên, ngày 10/7 và ngày 27/10/2021, Đặng Văn Q đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Văn T, là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE,ALPHA, BKS 36P3-7734 và 01 điện thoại di động VSMATACTIVEL tổng trị giá 8.750.000đ và chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Văn T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, BKS: 36F1-172.81 và 01 chiếc điện thoại di động IPHONE 7 Plus màu trắng, giá trị bị chiếm đoạt là 12.000.000 đồng. Các lần thực hiện hành vi phạm tội với tổng giá trị số tài sản của các bị hại trong vụ án là: 78.028.100 đồng (Bảy mươi tám triệu không trăm hai mươi tám nghìn một trăm đồng). Trong đó có 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với số tiền là 57.278.100đồng và 02 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản với số tiền là 20.750.000đồng. Hành vi của bị cáo Đặng Văn

Q, có đủ các yếu tố cấu thành các tội “Trộm cắp tài sản” với T tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 173 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm d, khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3]. Xét tính chất vụ án: Bị cáo là người không có nghề nghiệp ổn định, mục đích chiếm đoạt tài sản chủ yếu lấy tiền chi phí sinh hoạt hàng ngày, trả tiền chơi Game, thuê nhà trọ, nhà nghỉ và tiêu xài cá nhân mà không chịu làm ăn lương thiện. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo luôn tìm sự sỡ hờ của người quản lý tài sản và lợi dụng lòng tin của người có tài sản, đưa ra các thông tin không có thật nhằm che dấu hành vi chiếm đoạt để thực hiện hành vi phạm tội. Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã nhiều lần xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến T hình an ninh trật tự và an toàn xã hội và gây bất bình trong nhân dân. Do đó, cần phải nghiêm khắc để trừng trị, răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4]. Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Năm 2015 bị Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 07 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Năm 2016 bị Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và năm 2018 bị Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, đến ngày 22/9/2020 chấp hành xong hình phạt phạt tù và đã thực hiện các nghĩa vụ khác theo bản án. Trong lần phạm tội này, bị cáo đã thực hiện 04 lần trộm cắp tài sản và hai lần phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, mục đích chiếm đoạt đều là lấy tiền chi tiêu cá nhân và duy trì sinh hoạt trong thời gian không có công ăn việc làm. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của Bộ luật Hình sự, thì hành vi phạm tội trộm cắp tài sản của bị cáo cần áp dụng tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự là có tính chất chuyên nghiệp và tái phạm nguy hiểm, nên không coi là tình tiết tăng nặng theo điểm b, h khoản 1 Điều 52 của BLHS 2015. Tuy nhiên cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội hai lần trở lên đối với bị cáo được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015.

[4.1]. Về tình tiết giảm nhẹ TNHS; Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, sau khi phạm tội đã ra trình diện đầu thú. Anh Q, chị L là bị hại trong vụ án có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, số tiền 09 triệu đồng anh Q, chị L đã hoàn trả cho anh Mai Văn B ở xã Nga Th, huyện Ng nhưng không được coi là tiền khắc phục hậu quả. Do đó, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là phù hợp. Ngoài ra không còn căn cứ xem xét tình tiết giảm nhẹ nào khác.

[5]. Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS và nhân thân của bị cáo thấy, cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian, để bị cáo yên tâm cải tạo, tạo điều kiện cho bị cáo có thời gian lao động, học tập trở thành công dân có ích cho xã hội sau khi mãn hạn tù. Do bị cáo đang bị tạm giam nên cần tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm công tác thi hành án.

[6]. Trong vụ án này Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 2005 ở Thôn Th, xã Th, huyện Th là bạn gái của bị cáo Q và được bị cáo bao ăn tiêu, ngủ nghỉ từ nguồn tiền do phạm tội mà có. Tuy nhiên khi thực hiện hành vi phạm tội, chị H không được bàn bạc, không biết được các lần đem đi bán cùng Q là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan CSĐT Công an huyện H không xem xét xử lý đối với chị H là có căn cứ.

[7]. Anh Hoàng Anh D, sinh năm 1991 ở Tiểu Khu 4, Thị Trấn Th, huyện Th; Anh Hoàng Khắc Q, sinh năm 1989 ở Tiểu khu 3, Thị Trấn Th, huyện Th; Anh Thiệu Quang H, sinh năm 1992 ở thôn Thị Thư, xã Y, huyện Y; Anh Lê Xuân Th, ở tiểu khu 7, Thị Trấn Th, huyện Th và chị Hà Thị M, sinh năm 1965 ở Tiểu Khu 5, Thị trấn Q, huyện Y; Anh Mai Văn B, sinh năm 1992 ở Thôn Ng, xã Ng, huyện Ng và anh Chung Văn L, sinh năm 1979 ở thôn Đ, xã M, huyện H, khi mua lại tài sản của Đặng Văn Q những người này đều không biết tài sản do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mà có, nên Cơ Quan CSĐT Công an huyện H không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự.

[8]. Về bồi thường thiệt hại: Tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được, bị cáo cũng chưa khắc phục bồi thường cho người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Anh Lê Văn T, Chị Lê Thị N, anh Nguyễn Văn T và anh Chung Văn L, Anh Lê Văn D và chị Lê Thị V. Quá trình điều tra người bị hại là anh Đặng Văn V và chị Bùi Thị L không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 400.000đ, Anh Nguyễn Văn T bị thiệt hại một chiếc xe mô tô nhưng đã thu hồi trả lại còn 01 điện thoại di động VSMATACTIVEL, màu đen đã qua sử dụng trị giá 1.750.000đ (*Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường. Thấy việc không yêu cầu bồi thường của bị hại là anh V, chị L và anh T là tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật nên không xem xét.

[9]. Nay cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho (1) Anh Chung Văn Long, là người mua chiếc xe mô tô BKS 36P3-7734 của Đặng Văn Q, số tiền mua xe 5.800.000đ. Anh Lê Văn D và chị Lê Thị V số tiền là 11.700.000đ và 02 chỉ vàng tây 10k, tại thời điểm xét xử giá vàng 10k tương đương giá trị giá 1.478.100đ, hai khoản 13.178.100đ (mười ba triệu một trăm bảy tám nghìn một trăm đồng); Chị Lê Thị N số tiền: 9.800.000đ (chín triệu tám trăm nghìn đồng); Anh Lê Văn T số tiền: 19.500.000đ (mười chín triệu năm trăm nghìn đồng) và anh Nguyễn Văn T số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng).

[10]. Xử lý vật chứng: Không xem xét xử lý.

[11]. Án phí hình sự sơ thẩm: Tại thời điểm xét xử, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo năm 2022. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết

326/2016/NQUBTV- QH, miễn toàn bộ án phí hình sự và án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b, điểm g khoản 2 điều 173; điểm d khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Đặng Văn Q phạm các tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Xử phạt: Bị cáo Đặng Văn Q, mức án 05 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản” và 03 năm tù về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành 08 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/11/2021, được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 07/8/2021 đến ngày 26/8/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của BLHS; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585 và khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự 2015. Buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Cụ thể: Bồi thường cho Anh Lê Văn D và chị Lê Thị V số tiền là 11.700.000đ và 02 chỉ vàng tây 10k, tại thời điểm xét xử giá vàng 10k tương đương giá trị giá 1.478.100đ, hai khoản là 13.178.100đ (mười ba triệu một trăm bảy tám nghìn một trăm đồng). Bồi thường cho Chị Lê Thị N số tiền: 9.800.000đ (chín triệu tám trăm nghìn đồng); Anh Lê Văn T số tiền: 19.500.000đ (mười chín triệu năm trăm nghìn đồng), anh Nguyễn Văn T số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) và anh Chung Văn Long số tiền 5.800.000đ (năm triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về xử lý vật chứng: Không xem xét,

Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQUBTV- QH, miễn toàn bộ án phí hình sự và án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 61, 62, 65 và Điều 331 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã M và Ủy ban nhân

dân xã Đ, huyện H; Ủy ban nhân dân xã Th và Ủy ban nhân dân Thị Trấn Th, huyện Th; Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y và Ủy ban nhân dân Phường Q, thành phố Th, tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6; Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS huyện H;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Bị Cáo, bị hại; Người có QLVN LQ
- Công an huyện H;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Thi hành án DS huyện H;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nghi